

Số: 177 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2023

## KẾT LUẬN THANH TRA

**Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương thi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II**

Thực hiện Quyết định số 290/QĐ-TTr ngày 05/7/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 25/7/2023, Đoàn thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương thi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 10/8/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

### I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

#### 1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Năm thành lập: năm 2001.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101146534 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04/7/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28/12/2022.

- Ngành, nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: xây dựng công nghiệp, tổng thầu, bất động sản.

- Địa chỉ trụ sở chính: tầng 9, số 25 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243 9413268

Fax: 0243 9413268.

- Tài khoản số 025704060559608 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch.

#### 2. Thông tin hạng mục gói thầu thi công

- Tên gói thầu thi công: doanh nghiệp ký hợp đồng thi công xây dựng với chủ đầu tư và tổng thầu để thi công một số gói thầu, hạng mục thi công xây dựng tại dự án nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II như sau:



h



TT	Tên gói thầu, hạng mục	Ký hợp đồng với	Ngày khởi công/ ngày dự kiến hoàn thành
1	Khu nhà ở cho cán bộ vận hành nhà máy điện của chủ đầu tư và bãi xi	Chủ đầu tư	Tháng 3/2022 – 8/2023
2	San gạt mặt bằng	Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam	Tháng 4/2021 – 8/2025
3	Thi công trạm điện 500 Kv		
4	Thi công hệ thống phòng cháy, chữa cháy		
5	Thi công kết cấu thép nhà Tua-bin		
6	Thi công mái kho than		
7	Thi công nhà điều hành		
8	Thi công sân kho than		
9	Thi công nhà kho		

- Giá trị các gói thầu, hạng mục đã ký với chủ đầu tư và tổng thầu: 2.000 tỷ đồng.

- Địa chỉ ban điều hành tại dự án: khu công trường dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II, thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Việc ký hợp đồng với nhà thầu phụ: doanh nghiệp đã ký hợp đồng với 08 nhà thầu phụ (Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực, Công ty Cổ phần Capplus, Công ty Cổ phần Fecon, Công ty Cổ phần Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, Liên danh Công ty TNHH Bình Yên - Công ty Cổ phần Công nghệ an toàn Việt, Công ty Cổ phần Kết cấu thép ATAD, Công ty TNHH Kỹ thuật công nghiệp Công Tiến, Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp dịch vụ Việt Nam) để thi công các hạng mục, gói thầu của doanh nghiệp.

- Tổng số người của doanh nghiệp làm việc tại dự án: 60 người.

### **3. Trách nhiệm quản lý, điều hành các nhà thầu phụ trong công tác an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp**

- Đã xây dựng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và phương tiện ra vào công trường, tập kết và xử lý chất thải xây dựng phù hợp.

- Đã thành lập bộ phận giám sát an toàn chung và đề ra biện pháp bảo đảm an toàn lao động khi có nhiều đơn vị cùng thi công trên một công trường.

- Đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp thi công và biện pháp an toàn của các nhà thầu phụ.

## **II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

### **1. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)**

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 58 người.

*h*



- Số người đã ký hợp đồng lao động 58 người, trong đó:
  - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 15 người;
  - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 43 người.
- Số người đang thử việc: 02 người; doanh nghiệp thực hiện thử việc không quá 60 ngày đối với công việc cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên.
- Số người lao động thuê lại: 0 người.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Nội dung của hợp đồng lao động ghi chưa cụ thể: mục thời giờ làm việc ghi "theo nội quy Ban quản lý dự án và theo sự điều động, phân công trực tiếp của cán bộ phụ trách"; mục chế độ nghỉ ngơi, chế độ nâng lương, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề ghi "theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành".

## 2. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Đã thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.
- Đã bố trí người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.
- Tổ chức làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.
- Đã thực hiện việc nghỉ ngày lễ, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.
- Đã thực hiện ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc trong điều kiện bình thường là 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên).

## 3. Tiền lương và trả công lao động

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: trả lương theo thời gian (theo ngày công thực tế người lao động làm việc).
- Thu nhập thấp nhất: 5.000.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 32.650.000 đồng/người/tháng.
- Phụ cấp: không
- Các khoản hỗ trợ: tiền thuê nhà ở, tiền ăn ca.
- Đã trả tiền lương làm thêm giờ cho người lao động theo quy định.
- Tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.
- Thời hạn trả lương: doanh nghiệp thỏa thuận trong hợp đồng lao động thực hiện trả tiền lương của tháng làm việc trước ngày 05 của tháng kế tiếp; doanh nghiệp đã trả lương đúng thời hạn.

## 4. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (số liệu tính tại thời điểm thanh tra, đối với người lao động làm việc tại công trường)

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 57 người. 01 người đang hưởng chế độ hưu trí (ông Đặng Văn Cón) không thuộc đối tượng phải tham gia, đã được trả khoản tiền đóng bảo hiểm xã hội cùng kỳ trả lương).



- Số người đã tham gia: 57 người.
- Số người chưa tham gia: 0 người.
- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương theo chức danh ghi trong hợp đồng lao động.

#### **5. Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 51 người.
- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.
- Việc thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên: không phát sinh (do người lao động của doanh nghiệp luôn làm việc lưu động để giám sát các nhà thầu phụ và không làm việc theo tổ như đơn vị trực tiếp thi công).
- Đã thành lập bộ phận an toàn, vệ sinh lao động gồm 08 người làm việc chuyên trách về an toàn, vệ sinh lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đủ các nội dung theo quy định.
- Việc bố trí người làm công tác y tế tại công trường: trong hợp đồng thi công giữa nhà thầu chính với tổng thầu có thể hiện, tổng thầu chịu trách nhiệm bố trí bộ phận y tế để các nhà thầu cùng sử dụng chung trên công trường.
- Đã cấp phát đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho toàn bộ người lao động và lập sổ theo dõi việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định.
- Kiểm tra tại công trường, người lao động đã sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.
- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.
- Đã thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định. Tuy nhiên, chưa lưu giữ tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định.
- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định (khám vào tháng 12/2022), lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản. Người lao động trước khi tuyển dụng đã có giấy khám sức khỏe.
- Đã lập sổ quản lý sức khỏe người lao động. Tuy nhiên, sổ khám sức khỏe định kỳ không có ảnh và thiếu chữ ký của người lao động theo quy định.
- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Tuy nhiên, túi sơ cứu chưa đủ loại dụng cụ theo danh mục quy định (thiếu nẹp cổ).
- Doanh nghiệp không sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Việc quan trắc môi trường lao động: đối với gói thầu ký với chủ đầu tư, doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động ngày 31/8/2022; đối với các gói thầu ký với tổng thầu, doanh nghiệp sử dụng kết quả quan trắc môi trường

h



lao động toàn công trường do tổng thầu tổ chức quan trắc môi trường lao động vào tháng 8 năm 2022 được áp dụng chung cho các nhà thầu tham gia thi công dự án (các mẫu đo đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép).

- Tổng số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra tại công trường: 0 vụ.
- Đã lập sổ thống kê tai nạn lao động nhưng mẫu sổ chưa đủ thông tin cần thiết theo quy định (thiếu cột nghề nghiệp, loại hợp đồng lao động, nơi xảy ra tai nạn lao động, yếu tố gây chấn thương).

## **6. An toàn lao động, vệ sinh lao động trong lĩnh vực xây dựng**

### **6.1. Những quy định chung**

- Đã lập các biện pháp an toàn khi thi công.
- Đã lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình.
- Đã bố trí hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, trong tầng ngầm, trong đường hầm; đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại.
- Đã bố trí công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động.
- Đã dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường.
- Đã xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình gọn gàng, sạch sẽ.
- Đã thiết lập, kiểm soát vùng nguy hiểm, vùng nguy hại: rào chắn hoặc biện pháp che chắn vững chắc để ngăn ngừa xâm nhập; các phương tiện cảnh báo, chỉ dẫn cụ thể; người làm nhiệm vụ bảo vệ, cảnh báo và kiểm soát ra, vào.
- Đã bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

### **6.2. Công tác an toàn điện**

- Đã lập bản vẽ hoặc chỉ dẫn về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị và mạch điện tại các khu vực có lắp đặt điện; dán nhãn hoặc các phương pháp khác để nhận diện các mạch điện và thiết bị điện.
- Đã bố trí các thông báo, cảnh báo cấm người không có thẩm quyền (hoặc nhiệm vụ) vào phòng thiết bị điện hoặc thao tác, can thiệp vào các thiết bị điện.
- Đã kiểm tra, thử nghiệm hoặc kiểm định trước khi sử dụng các thiết bị điện, hệ thống điện.
- Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện (dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện...) được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

### **6.3. Thang và giàn giáo**

- Các loại giàn giáo đang sử dụng trên công trường: giàn giáo thép.
- Thiết kế, chế tạo, lắp dựng, sử dụng, kiểm tra, bảo trì thang, các bộ phận của giàn giáo và giàn giáo theo quy định.
- Hồ sơ thiết kế, biện pháp và trình tự lắp dựng đối với giàn giáo, thang và các bộ phận của chúng làm bằng các vật liệu, cấu kiện, sản phẩm phi kim loại (như gỗ, tre) và phi tiêu chuẩn; kiểm tra độ chắc chắn, ổn định của giàn giáo và



các chi tiết liên kết; thử nghiệm khả năng chịu tải theo yêu cầu sử dụng được người có thẩm quyền giám sát và xác nhận: không phát sinh.

- Đã thực hiện giằng, liên kết, neo giữ giàn giáo đảm bảo an toàn.
- Lắp dựng giàn giáo trên hệ chân và nền đỡ bằng bê tông chắc chắn.
- Đã bố trí màn che hoặc tấm che để ngăn ngừa nguy hiểm do các vật rơi, sàn công tác, lối đi lại và thang của giàn giáo.
- Đã lắp đặt lan can an toàn và tấm chắn chân tại các phần của sàn công tác, đường đi, thang bậc đối với giàn giáo có chiều cao từ 2,0 m trở lên.
- Đã kiểm tra giàn giáo trước khi đưa vào sử dụng và kiểm tra định kỳ.
- Việc sử dụng giàn giáo định hình, giàn giáo treo: không phát sinh.

#### **6.4. Công tác hàn**

- Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao.
- Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn, thông gió khi tiến hành hàn tại buồng, thùng, khoang, bể kín.
- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người làm công việc hàn điện, hàn hơi.
- Khoảng cách an toàn giữa các chai chứa khí nén và giữa chúng với nơi hàn bảo đảm an toàn theo quy định.

#### **6.5. Công tác đào, đắp đất đá**

- Đã lập kế hoạch và có biện pháp thi công, biện pháp xử lý các sự cố, biện pháp cứu nạn cụ thể trước khi thực hiện đào, đắp đất đá được cấp có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận.
- Đã xác định vị trí cụ thể của các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể gây nguy hiểm khi thi công như cống ngầm, ống dẫn khí đốt, ống dẫn nước, đường dây dẫn điện và các hệ thống ngầm khác và lập biện pháp thi công, biện pháp an toàn theo quy định.
- Đã rào ngăn cách hoặc treo lên cao và có đánh dấu cảnh báo đầy đủ hoặc có biện pháp bao bọc bảo vệ để đảm bảo an toàn trong trường hợp các đường ống ngầm, đường dây dẫn điện và những hệ thống ngầm khác không thể di dời hoặc không thể ngắt kết nối.
- Đã bố trí các vật cản để chặn và rào chắn vững chắc, phù hợp để ngăn các vật rơi xuống hố đào.

#### **6.6. Kết cấu chống đỡ tạm**

- Loại kết cấu chống đỡ tạm đang sử dụng bằng kim loại.
- Đã khảo sát thiết kế, thi công, lắp dựng, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định an toàn, nghiệm thu, sử dụng, quan trắc, bảo trì, tháo dỡ kết cấu chống đỡ tạm theo quy định.
- Đã liên kết, giằng chống các tầng, lớp của kết cấu chống đỡ tạm khi kết cấu chống đỡ tạm có 2 tầng hoặc 2 lớp trở lên.



### **6.7. Ván khuôn và thi công bê tông**

- Thực hiện khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng; thử nghiệm, kiểm định an toàn; kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì; tháo dỡ ván khuôn theo quy định.
- Đã lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ.
- Đã lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công (lắp dựng kết cấu chống đỡ tạm, cốp thép, thép cốt bê tông; đổ bê tông; kéo cáp ứng lực trước; bảo dưỡng; tháo dỡ ván khuôn; thí nghiệm và các công việc khác có liên quan).
- Đã kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông.
- Thực hiện sắp xếp vật liệu, cấu kiện, máy, thiết bị thi công ở khu vực bê tông đang đông cứng theo quy định.

### **6.8. Làm việc trên cao**

- Đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên cao (từ 2,0 m trở lên) hoặc làm việc trên các mái nhà, mái dốc (mái có độ dốc lớn hơn 10 độ).
- Đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên các công trình cao (bao gồm các kết cấu dạng cột, trụ, cầu).
- Đã bố trí sàn công tác trên cùng của giàn giáo thấp hơn đỉnh công trình tối thiểu 65 cm.
- Việc để trống (không sử dụng) trên giàn giáo, sàn đỡ an toàn ngay bên dưới sàn đang có người lao động làm việc để bảo vệ, ngăn ngừa nguy cơ các vật rơi từ bên trên xuống: không phát sinh.
- Khoảng cách khe hở giữa giàn giáo và công trình cao bảo đảm theo quy định.
- Đã bố trí sàn đỡ an toàn trên lối vào công trình cao; lối đi, nơi làm việc của người lao động.
- Đã bố trí thang bộ hoặc thang leo sắt để leo lên hoặc xuống công trình cao.

## **III. KẾT LUẬN**

### **1. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được doanh nghiệp thực hiện**

- 1.1. Đã ký hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động.
- 1.2. Áp dụng thời gian thử việc đối với 02 người thử việc theo quy định.
- 1.3. Thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 08 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.
- 1.4. Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân một tháng ít nhất 04 ngày; huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.
- 1.5. Đã thực hiện việc nghỉ ngày lễ, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.
- 1.6. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ theo quy định; trả lương tháng đúng thời hạn cho người lao động.

*h*



1.7. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.8. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đủ các nội dung theo quy định.

1.9. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

1.10. Đã cấp phát đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho toàn bộ người lao động và lập sổ theo dõi, có ký nhận của người lao động theo quy định.

1.11. Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

1.12. Đã thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.

1.13. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định, lao động nữ đã được khám chuyên khoa phụ sản.

1.14. Đã lập và thực hiện các biện pháp an toàn khi thi công; lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình.

1.15. Đã bố trí hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại; bố trí công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động; dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường; xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình gọn gàng; bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

1.16. Đã lập bản vẽ hoặc chỉ dẫn về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị và mạch điện tại các khu vực có lắp đặt điện; dán nhãn hoặc các phương pháp khác để nhận diện các mạch điện và thiết bị điện.

1.17. Đã có thông báo, cảnh báo cấm người không có nhiệm vụ vào phòng thiết bị điện hoặc thao tác, can thiệp vào các thiết bị điện.

1.18. Đã kiểm tra, thử nghiệm hoặc kiểm định trước khi sử dụng các thiết bị điện, hệ thống điện.

1.19. Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện (dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện...) được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

1.20. Trên công trường đang sử dụng giàn giáo thép. Việc thiết kế, chế tạo, lắp dựng, sử dụng, kiểm tra, bảo trì thang và các bộ phận của giàn giáo theo quy định; giằng, liên kết, neo giữ giàn giáo đảm bảo an toàn.

1.21. Đã lắp dựng giàn giáo trên hệ chân và nền đỡ; bố trí màn che hoặc tấm che để ngăn ngừa nguy hiểm do các vật rơi, sàn công tác, lối đi lại và thang của giàn giáo; lắp đặt lan can an toàn và tấm chặn chân tại các phần của sàn công tác, đường đi, thang bậc đối với giàn giáo có chiều cao từ 2,0 m trở lên; kiểm tra giàn giáo trước khi đưa vào sử dụng và kiểm tra định kỳ.

1.22. Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao;



trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người làm công việc hàn; khoảng cách an toàn giữa các chai chứa khí nén và giữa chúng với nơi hàn đảm bảo an toàn.

1.23. Đã lập kế hoạch và có biện pháp thi công, biện pháp xử lý các sự cố, biện pháp cứu nạn cụ thể trước khi thực hiện đào, đắp đất đá được cấp có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận; rào ngăn cách hoặc treo lên cao và có đánh dấu cảnh báo đầy đủ hoặc có biện pháp bao bọc bảo vệ để đảm bảo an toàn trong trường hợp các đường ống ngầm, đường dây dẫn điện và những hệ thống ngầm khác không thể di dời hoặc không thể ngắt kết nối; bố trí các vật cản để chặn và rào chắn vững chắc, phù hợp để ngăn các vật rơi xuống hố đào.

1.24. Trên công trường sử dụng kết cấu chống đỡ tạm bằng kim loại. Đã khảo sát thiết kế, thi công, lắp dựng, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định an toàn, nghiệm thu, sử dụng, quan trắc, bảo trì, tháo dỡ kết cấu chống đỡ tạm; liên kết, giằng chống các tầng, lớp của kết cấu chống đỡ tạm khi kết cấu chống đỡ tạm có 2 tầng hoặc 2 lớp trở lên.

1.25. Đã khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng; thử nghiệm, kiểm định an toàn (nếu có); kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì; tháo dỡ ván khuôn; lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ; lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công; kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông.

1.26. Đã thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên cao; bố trí sàn công tác trên cùng của giàn giáo thấp hơn đỉnh công trình tối thiểu 65 cm; bố trí thang bộ hoặc thang leo sắt để leo lên hoặc xuống công trình cao.

## **2. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Nội dung của hợp đồng lao động chưa đảm bảo quy định: mục thời giờ làm việc ghi “theo nội quy Ban quản lý dự án và theo sự điều động, phân công trực tiếp của cán bộ phụ trách”; mục chế độ nghỉ ngơi, chế độ nâng lương, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề ghi “theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Chưa lưu giữ tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định tại khoản 7 Điều 45 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.3. Số khám sức khỏe định kỳ của người lao động chưa đủ thông tin (không dán ảnh và thiếu chữ ký của người lao động) theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a Thông tư số 09/2023/TT-BYT ngày 05/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.



2.4. Túi sơ cứu chưa đủ dụng cụ (thiếu nẹp cổ) quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

2.5. Sổ thống kê tai nạn lao động chưa đủ thông tin cần thiết (thiếu cột nghề nghiệp, loại hợp đồng lao động, nơi xảy ra tai nạn lao động, yếu tố gây chấn thương) theo quy định tại Phụ lục I theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thu thập lưu trữ, tổng hợp cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.

**IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:** không.

**V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu Tổng giám đốc doanh nghiệp:

- Khắc phục ngay sai phạm số 2.4 Mục 2 Phần III.
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục xong các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nêu tại Mục 2 Phần III, đồng thời báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện (kèm tài liệu chứng minh), gửi về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Thực hiện niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra./.

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Anh Tuấn**